

TÀI NĂNG QUÂN SỰ CỦA NGUYỄN HOÀNG

Trần Thuận

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

ABSTRACTS: Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Hoàng, ta dễ dàng nhận ra ông là một nhà chính trị lỗi lạc, vừa là nhà quân sự tài ba, đầy mưu lược và bách chiến bách thắng.

Hơn sáu mươi năm cầm quân, xông pha trận mạc, Nguyễn Hoàng đã lập nên biết bao chiến công và chưa một lần thất bại trên chiến trường. Công lao đó đã được vua Lê và cả Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng ghi nhận, mà bằng chứng là chức tước của ông được thăng dần lên đến Hữu tướng Đoan Quốc công.

Trong suốt cuộc đời binh nghiệp, ngay từ những chiến công đầu, tài năng quân sự của Nguyễn Hoàng đã tỏ rõ. Tài năng đó ngày càng được thử thách, rèn luyện, để rồi vị tướng cầm quân Nguyễn Hoàng ngày trở nên dày dặn hơn, mưu lược hơn. Ông vừa thạo thủy binh vừa giỏi bộ binh. Ông cầm quân chiến đấu trên nhiều mặt trận, đánh nhiều loại giặc, có cả giặc ta lẫn giặc Tây. Tài năng và những chiến công lừng lẫy đó đã tôn vinh ông là người anh hùng “bất khả chiến bại”.

Không chỉ cầm quân chiến đấu, ông còn là nhà tổ chức quân sự. Ông biết khai thác và tận dụng những lợi thế có được cả những yếu tố tự nhiên cũng như tinh thần tướng sĩ. Ông biết tác động tâm lý và khoét sâu mâu thuẫn đối phương để thoát khỏi sự ràng buộc của họ Trịnh một cách tài tình. Trong những cuộc kinh dinh, ông đã cho thấy tầm nhìn chiến lược của một nhà quân sự.

Tài năng quân sự còn thể hiện ở chỗ ông xem xét và cân nhắc việc chọn vị trí đặt dinh phủ, đảm bảo cho sự an toàn và tránh được sự tấn công của đối phương. Việc dời dinh phủ dần vào phía Nam là một quá trình nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí chiến lược cũng như sự chuẩn bị cho cuộc chiến tranh khó tránh khỏi với họ Trịnh ở phía Bắc mà Nguyễn Hoàng đã hình dung được từ rất sớm.

Lời dặn dò với con trai kế vị như một lời di ngôn chính trị thâm sâu của người sáng nghiệp, đã trở thành sự định hướng lâu dài cho cơ nghiệp của dòng họ mà thực tế lịch sử đã chứng minh. Các đời chúa Nguyễn (con cháu của Nguyễn Hoàng) đã ra công đại định, cầm cự với lực lượng các chúa Trịnh để giữ vững miền đất phía Nam (từ sông Gianh trở vào), mở mang bờ cõi vào đến tận Cà Mau.

Từ khóa: Nguyễn Hoàng, tài năng quân sự, Trần Thuận,

Nguyễn Hoàng còn gọi là Tiên Vương hay Chúa Tiên, sinh ngày 10 tháng 8 năm Ất Dậu (28.8.1525), đời vua Lê Thống Nguyên năm thứ 4 tại Thanh Hóa. Ông là con trai thứ hai của An Thành hầu Nguyễn Kim, Hữu vệ điện tiền Tướng quân nhà Hậu Lê, mẹ là Nguyễn Thị Mai. Theo

phả hệ họ Nguyễn ở Gia Miêu, ông là hậu duệ của anh hùng dân tộc Nguyễn Bặc, khai quốc công thần thời Đinh.

Sau khi Mạc Đăng Dung tiếm ngôi vua Lê (Đinh Hợi, 1527), Nguyễn Kim đưa con em

tránh sang Ai Lao, nuôi chí khôi phục nhà Lê. Trên đất Sầm Châu, ông thu nạp hào kiệt, tổ chức dân quân, rồi tìm con cháu nhà Lê để lập làm vua. Năm Quý Tỵ (1533), ông tìm được người con trai nhỏ của vua Lê Chiêu Tông, tên là Ninh (1), tôn lên làm vua, lấy niên hiệu là Nguyên Hòa, đó là vua Lê Trang Tông. Nguyễn Kim được phong là Thượng phụ, Thái sư, Hưng quốc công, coi giữ mọi việc trong, ngoài. Ông thu nạp Trịnh Kiểm làm tướng quân (2).

Nguyễn Kim đem quân đóng giữ Nghệ An, hào kiệt theo về rất đông. Nhâm Dần (1542), ông tuần hành trong hạt Thanh Hoa, tiếng quân lừng lẫy, xa gần đều phục. Năm sau, Quý Mão (1543), ông rước vua Trang Tông về Tây Đô (Thanh Hóa) để đánh Mạc Chánh Trung (con thứ hai của Mạc Đăng Dung), được tấn phong là Thái tử, Đô tướng tiết chế thủy, bộ chủ dinh. Ông đánh đâu được đấy.

Năm 1545, Nguyễn Kim bị một hàng tướng nhà Mạc đầu độc chết². Vua Lê tặng là Chiêu Huân Tĩnh công, táng ở núi Thiên Tôn, huyện Tống Sơn. Sau khi Nguyễn Kim mất, vua Lê phong cho con trưởng của ông là Nguyễn Uông tước Lãng Xuyên hầu, con thứ hai là Nguyễn Hoàng tước Hạ Khê hầu, sai cầm quân đánh giặc, và cho Trịnh Kiểm làm Đô tướng, gia phong là Lượng Quốc công.

Năm Nguyễn Kim sang tránh ở Ai Lao, Nguyễn Hoàng mới hai tuổi. *Thực Lục* chép: "*Chúa tướng vai lân, lưng hổ, mắt phượng, trán rồng, thần thái khôi ngô, thông minh tài*

tri, người thức giả biết là bực phi thường" [1]. Nguyễn Kim gửi cho Thái phó Nguyễn Ứ Dĩ (3) nuôi. Lớn lên, Ứ Dĩ thường đem việc kiến lập công nghiệp khuyến khích Nguyễn Hoàng. Nguyễn Kim mất, ông cầm quân đánh giặc. Ông đi đánh Mạc Phước Hải (con trưởng Mạc Đăng Doanh) chém được tướng là Trịnh Chí ở huyện Ngọc Sơn. Đến đời Lê Trung Tông, năm Thuận Bình, vì có quân công, ông được tiến phong Đoan Quận công.

Trịnh Kiểm chuyên quyền, ám hại Nguyễn Uông [1]. Thấy Trịnh Kiểm nghi kỵ và có ý mưu hại Nguyễn Hoàng nữa, Nguyễn Ứ Dĩ bàn với ông nên giả điên để cho Trịnh Kiểm bớt nghi ngờ. Nguyễn Hoàng làm theo, đồng thời cho người đến hỏi Trang Trình Nguyễn Bình Khiêm, người có tiếng giỏi thuật số. Trang Trình không đáp, chỉ nhìn núi non bộ trước sân, rồi ngâm lớn "*Hoành Sơn nhứt đái, vạn đại dung thân*", nghĩa là một dải núi ngang, có thể dung thân muôn đời. Sứ giả về thuật lại, ông hiểu ý, Nguyễn Ứ Dĩ cùng bàn nên lánh mình ở phương xa, nên nhờ chị là Ngọc Bảo xin với Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa là nơi hiểm cố để giữ mình. Thuận Hóa là vùng đất nhà Lê vừa lấy lại được trong tay nhà Mạc, đã đặt tam ty (Đô Ty, Thừa Ty, Hiến Ty) và phủ, huyện để cai trị, nhưng lòng dân chưa quy phục hẳn; nhà Mạc đang khuấy động và đánh lại nhà Lê ở cả mặt Bắc lẫn mặt Nam. Tình trạng ấy khiến Trịnh Kiểm lo âu, nên ông chấp nhận lời xin của vợ. Và lại, theo Trịnh Kiểm, phái Nguyễn Hoàng vào Nam, ấy là đặt trước mặt họ Mạc một đối thủ mạnh mẽ, và biết đâu đối thủ này sẽ bị diệt vong ở nơi xa xôi, lam chướng ấy.

Trịnh Kiểm dâng biểu lên vua Anh Tông nói: *“Thuận Hóa là đất hình thế quan trọng, binh, tài do đó mà ra, hỡi quốc sơ nhờ đó mà dựng nên đại nghiệp. Nay lòng dân hãy còn phân trắc, nhiều kẻ vượt biển đi theo họ Mạc, sợ hoặc có kẻ dẫn giặc về cướp, nếu không được tướng giỏi trấn giữ, võ về, thì không xong. Doan quận công là con nhà tướng, có tài trí, mưu lược, có thể sai vào trấn ở đây, để cùng tướng giữ Quảng Nam làm ý giốc thì mới khỏi lo đến miền Nam”* [2]. Vua Lê chấp thuận, trao cho Nguyễn Hoàng trấn tiết (5), ủy thác cho mọi việc, hàng năm nạp cống phú về triều.

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), Doan Quận công Nguyễn Hoàng và đoàn tùy tùng vào Cửa Việt lên Quảng Trị, đóng dinh tại làng Ái Tử (6). Năm ấy ông 34 tuổi. Danh tiếng của cha cộng với đức tính của ông đã làm cho người đồng hương kính mến, nên hương khúc huyện Tống Sơn và nghĩa đồng Thanh Hóa, Nghệ An đều tình nguyện theo vào rất đông, trong đó có Nguyễn Ư Dĩ, Mạc Cảnh Huống (em Mạc Kính Điển) cùng con em và gia quyến của họ.

Nguyễn Hoàng vừa đến Ái Tử, trấn thủ Thuận Hóa là Luân Quận công Tống Phước Trị liền đem sổ sách Thuận Hóa trao nạp, và ở lại giúp việc bên cạnh ông. Các quan chức tam ty do nhà Lê đặt đều được lưu dụng. Khi Nguyễn Hoàng mới đến, dân sở tại đem dâng 7 vò nước trong. Nguyễn Ư Dĩ nói với Nguyễn Hoàng rằng: *“Ấy là điềm trời cho ông nước đó!”* [2].

Lúc đầu ông vừa lo xây dựng, cũng có Thuận Hoá để dung thân, vừa lo chống quân nhà Mạc đang đánh phá khắp nơi. Ông vẫn thường ra châu vua Lê ở Thăng Long. Tháng

giêng năm Canh Ngọ (1570), Nguyễn Hoàng từ Tây Đô về, dời dinh sang xã Trà Bát (thuộc huyện Đăng Xương). Vua Lê triệu Tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quỳnh về trấn thủ Nghệ An và giao cho Nguyễn Hoàng kiêm lãnh cả hai xứ Thuận, Quảng (7). Nguyễn Hoàng đeo ấn Tổng trấn tướng quân, đặt quân hiệu là dinh Hùng Nghĩa. Năm 1572 đánh bại tướng Mạc là Lập Bảo, năm sau (1573), vua Lê sai sứ đem sắc tấn phong Nguyễn Hoàng làm Thái phó.

Năm 1593, ông đưa quân ra Bắc giúp Trịnh Tùng đánh dẹp họ Mạc trong 8 năm trời rồi bị họ Trịnh lưu giữ lại vì lo sự cát cứ cũng như thế lực ngày càng lớn mạnh của ông. Năm 1595, ông được cử làm Đề điệu khoa thi Tiến sĩ. Năm 1599, vua Lê Kính Tông tấn phong Nguyễn Hoàng làm Hữu tướng. Năm đó, nhân có vụ quân binh chống họ Trịnh, ông mới có cơ đưa quân sĩ trở về Thuận Hoá. Từ đó, ông lo phát triển cơ sở, mở mang bờ cõi, phòng bị quân Trịnh vào đánh phá.

Năm 1600, trở lại Thuận Quảng, ông cho dời dinh sang phía đông Ái Tử, gọi là Dinh Cát. Năm sau (1601), cho xây chùa Thiên Mục. Năm Giáp Thìn (1604), lấy huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong đặt làm phủ Điện Bàn, quản 5 huyện (Tân Phúc, An Nông, Hòa Vang, Diên Khánh, Phú Châu), thuộc vào xứ Quảng Nam. Đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, phủ Tư Ngãi làm phủ Quảng Ngãi, huyện Lê Giang thuộc phủ Thăng Hoa (nay đổi thành Thăng Bình) làm huyện Lễ Dương, huyện Hy Giang làm huyện Duy Xuyên. Năm Tân Hợi (1611), quân Chiêm xâm lấn biên giới. Nguyễn Hoàng

sai Văn Phong đem quân đi đánh, lấy được đất, đặt làm phủ Phú Yên.

Tháng 6 năm Quý Sửu (1613) Nguyễn Hoàng bệnh, yếu. Ông cho triệu Nguyễn Phúc Nguyên (từ Quảng Nam về) và cận thần đến trước giường, bảo các cận thần rằng: *“Ta với các ông cùng nhau cam khổ đã lâu, muốn dựng nên nghiệp lớn. Nay ta để gánh nặng lại cho con ta, các ông nên cùng lòng giúp đỡ, cho thành công nghiệp”*. Rồi ông cầm tay con trai thứ sáu dặn bảo: *“Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung; anh em trước hết phải thân yêu nhau. Con mà giữ được lời dặn đó thì ta không ân hận gì”*. Ông nói thêm: *“Đất Thuận Quảng phía bắc có núi Ngang [Hoành Sơn] và sông Gianh [Linh Giang] hiểm trở, phía nam có núi Hải Vân và núi Đá Bia [Thạch Bi sơn] vững bền. Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta”* (8).

Năm đó ông qua đời, hưởng thọ 89 tuổi, Nguyễn Phúc Nguyên lên kế vị (9). Lễ tang tổ chức theo nghi thức bậc vương, an táng tại núi Thạch Hãn (Hải Lăng, Quảng Trị). Vua Lê truy tặng: “Cần Nghĩa Công” thụy là Cung Ý. Về sau cải táng về núi La Khê (miếu Nguyễn Lập, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế). Lăng mộ của ông hiện nay vẫn còn. Vua Gia Long đặt tên là Trường Cơ, truy tôn ông là “*Triệu Cơ Thủy Thống Khâm Minh Cung Ý Cần Nghĩa Đạt Lý hiển Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia Dũ*

Hoàng Đế”, miếu hiệu là Thái Tổ. Vua Minh Mạng đổi tên núi La Khê thành Khải Vận sơn.

Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Hoàng, ta dễ dàng nhận ra ông là một nhà chính trị lỗi lạc, thiết kế một nền móng hết sức chắc chắn cho sự hình thành xứ Đàng Trong đầy tính năng động và trù phú, vừa là nhà quân sự tài ba, đầy mưu lược và bách chiến bách thắng.

Được Ư Dĩ hết lòng bảo hộ và khuyến khích, lớn lên Nguyễn Hoàng theo anh rể là Trịnh Kiểm đi chinh chiến. Chẳng bao lâu đã lập được nhiều chiến công, được Trang Tông gia phong tước Hạ Khê hầu. Khi Nguyễn Hoàng đánh bại Mạc Phúc Hải, chém được Trịnh Chí, vua Lê khen: *“thực là cha hổ sinh con hổ”* [1]. Không lâu sau, với những công trạng lập được trong thời gian này, ông được vua Lê tiến phong tước Đoan Quận công.

Tài năng của ông sớm bộc lộ đã làm cho Trịnh Kiểm sinh lòng ghen ghét, đố kỵ. Nguyễn Uông đã bị ám hại, tính mạng của Nguyễn Hoàng cũng khó bảo toàn, ông phải nhờ chị gái xin cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa. Bên ngoài tỏ vẻ thương quý, nhưng trong lòng Trịnh Kiểm mừng thầm vì đây là cơ hội để “tống khứ” người em vợ tài giỏi vào nơi “đầu sóng ngọn gió” mà không bị mang tiếng là độc ác, lại để bề mụ tay quân Mạc nhỏ lấy “cái gai”. Quả là “nhất tiễn song điêu”!

Trước lời xin tâu của vợ, Trịnh Kiểm nói: *“Em Đoan là kẻ anh hùng tuấn kiệt, đủ trí nhiều mưu, có thể dùng vào việc lớn, nào phải là người đàn độn đâu? Ta sao nỡ đặt em vào nơi đất xấu ấy? Phu nhân chớ lo, ta đâu có*

lòng nào” [3]. Câu nói này có thể là lời vị mặt, nhưng dấu sao cũng phản ánh rõ một thực tế là tài năng quân sự của Nguyễn Hoàng, và chính điều này đã làm cho Trịnh Kiểm lo lắng. Nếu điều đó không diễn ra trong thực tế, Trịnh Kiểm không đến nỗi làm cho Nguyễn Hoàng phải kinh sợ, Ngọc Bảo không phải khóc lóc van xin, và cuối cùng không đến nỗi Trịnh Kiểm phải cân nhắc để rồi bằng một việc làm thỏa mãn tâm địa xấu xa, mượn tay quân Mạc hại chết em vợ mình.

Trong biểu dâng vua Lê, Trịnh Kiểm tuy không nói ra nhưng ít nhiều đã chứng tỏ điều đó. Ở đây ta thấy Trịnh Kiểm đã đánh giá rất cao tài năng quân sự của Nguyễn Hoàng, rằng: Thuận Hóa là vùng đất chưa yên, *“nếu không được tướng giỏi trấn giữ, võ vè, thì không xong. Doan Quận công là con nhà tướng, có tài trí, mưu lược, có thể sai vào trấn ở đấy, để cùng tướng giữ Quảng Nam làm ý giốc thì mới khỏi lo đến miền Nam”*.

Sách *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm viết: *“Trước đó đất Thuận Hóa do quân tướng nhà Mạc đóng giữ. Mưu của Kiểm sai Hoàng vào trấn thủ ở đó là có ý muốn mượn tay họ Mạc để giết Hoàng. Tâm địa của Kiểm như thế nhưng đạo trời lại không phải thế”* [3].

Được Trịnh Kiểm và vua Lê chấp thuận, Nguyễn Hoàng mừng rỡ, vội vàng vái tạ trở về phủ, từ biệt chị là Nguyễn phi rồi cùng người thân tín xuống thuyền thẳng tiến về Nam như một cuộc chạy trốn.

Vào Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đã hình dung được biết bao khó khăn đang chờ đón.

Vốn là vùng phen giậu, quan tướng nhà Mạc đang ráo riết hoạt động quấy phá. Công việc đầu tiên là ổn định tình hình, củng cố bộ máy tổ chức, đẩy lùi lực lượng quân Mạc đang làm mưa làm gió ở đây.

Bấy giờ Mạc Mậu Hợp sai tướng là Mạc Kính Điển đem quân đánh vào Thanh Nghệ. Tướng trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Bá Quỳnh (trước là trấn thủ Quảng Nam) nghe tin chạy trốn, thế giặc hung hăng, lòng dân xao xuyến. Nguyễn Hoàng vốn có uy danh, nhiều mưu lược, kỷ luật nghiêm ngặt, phòng giữ chắc chắn, nên quân Mạc không dám đưa quân vào, vì thế riêng hai xứ Thuận Quảng được yên.

Trước kia ở xã Hành Phố, huyện Khang Lộc, xứ Thuận Hóa có viên cai tổng là Mỹ Lương cùng các em là Văn Lan, Nghĩa Sơn dâng thóc để xin quan tước, Thái sư Trịnh Kiểm phong cho Mỹ Lương làm Cai Tri lệnh, giao cho việc thu thuế xứ ấy, mỗi năm tiến nạp. Anh em Mỹ Lương có công trung thu thuế nên một lần nữa, Thái sư Trịnh Kiểm lại phong cho Mỹ Lương làm Tham đốc Mỹ Quận công; Văn Lan, Nghĩa Sơn làm Thự vệ, đều được phong tước hầu, giao cho cai quản việc thu tô thuế ở xứ Thuận Hóa. Nay Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Quảng, Trịnh Tùng (10) ngầm sai anh em Quận Mỹ lựa chọn hùng binh, thừa dịp đánh úp để trừ hậu họa, xong việc sẽ trọng thưởng.

Tháng 7 năm Tân Vị (1571), nhận được mật lệnh của Trịnh Tùng, Quận Mỹ liền sai đàn em đem quân đến đóng ở xã Hương Da, huyện Minh Linh (11), mai phục ở những nơi hẻo lánh, còn Quận Mỹ tự đem quân theo đường bí

mặt ở chân núi đến đóng quân ở Cầu Gạch thuộc xã Trà Tri, huyện Hải Lăng, tạo thành thế hai gọng kim tiếp ứng cho nhau, đợi ngày hợp lực đánh vào.

Nguyễn Hoàng đã biết rõ ý đồ của Quận Mỹ nên cử Phó tướng Trà Quận công (11) đem quân đến xã Hương Da đánh Nghĩa Sơn, Văn Lan, còn ông tự mình điếm quân, nhân lúc đêm tối lặng lẽ tiến đến Cầu Gạch đánh thọc vào, đốt cháy doanh trại của Quận Mỹ. Nguyễn Hoàng ra sức đốc chiến, Quận Mỹ hoảng sợ, quân lính nhón nháo tìm đường tháo chạy tán loạn. Quận Mỹ một mình trốn chạy vào rừng, bị Nguyễn Hoàng đuổi kịp, chém chết. Nguyễn Hoàng dẫn quân thẳng tiến đến xã Hương Da đánh tan quân của Văn Lan, Nghĩa Sơn.

Năm ấy, ở Quảng Nam, bọn thổ mục nổi lên cướp giết lẫn nhau, Nguyễn Hoàng sai thuộc tướng Mai Đình Dũng (Dũng) vào dẹp yên, rồi cử Đình Dũng ở lại giữ đất ấy để tu phục và vỗ yên dân chúng.

Năm Nhâm Thân (1572) lập mưu đánh bại Lập Bạo (12). Trước đó vào khoảng năm Quang Bảo (1554 - 1561), nhà Mạc đã sai tướng là Đô đốc Lập Quận công Lập Bạo (không rõ họ) vào trấn thủ hai xứ Thuận, Quảng. Quận Lập đóng doanh ở miền huyện Khang Lộc (13). Khi nghe tin Đuan Quận công vào trấn thủ Thuận Quảng, Quận Lập đem ba mươi chiến thuyền vượt biển đến cửa Yên Việt (Cửa Việt). Năm 1572, Lập Bạo cho một ngàn quân bộ tiến phát theo đường Hồ Xá, qua xã Lăng Uyển rồi dừng lại đóng quân ở miếu Thanh Tương, dự định đánh cướp trại của Nguyễn Hoàng. Bằng mỹ nhân kế, Nguyễn

Hoàng đã nhanh chóng đánh bại quân Mạc, giết được Lập Bạo, đoạt được binh chủng (14). Sau trận này, thanh thế của Nguyễn Hoàng nổi khắp gần xa, khiến quân Mạc kinh sợ, không dám vào cướp phá và quấy rối nữa. Họ Trịnh căm lắm nhưng không thể mượn tay quân Mạc thêm một lần nữa, đành ôm hận trong lòng, chờ cơ hội mới.

Năm Ất Dậu (1585), giặc Tây Dương (gọi là “Hiển Quý tặc”, tức “giặc giàu sang”) đi 5 chiếc thuyền lớn, đến đậu ở Cửa Việt để cướp bóc ven biển. Nguyễn Hoàng sai Phúc Nguyên lĩnh hơn 10 chiếc thuyền, tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Giặc Hiển Quý sợ chạy. Nguyễn Hoàng vui mừng khen rằng: “*Con ta thực là anh kiệt*”, và thưởng cho rất hậu. Từ đó giặc biển không dám bén mảng đến đây nữa.

Nguyễn Hoàng dẫu biết cha con Trịnh Kiểm rắp tâm hại mình, nhưng ông vẫn tỏ vẻ như không có chuyện gì xảy ra, thậm chí còn muốn níu kéo tình cảm anh em, chỉ mong họ Trịnh nghĩ đến tình thâm mà bớt đi lòng đố kỵ nhỏ nhen, không ra tay hại mình nữa.

Bảy giờ Thuận Quảng mấy năm liền được mùa, trăm họ khấm khá. Trong khi vua Lê phải nhiều năm liền đánh dẹp họ Mạc, quân dụng lương thảo thiếu hụt. Năm Kỷ Sửu (1589), Nguyễn Hoàng trích ngân khoản gửi ra giúp quân phí, góp phần đánh bại quân Mạc. Tháng giêng năm Nhâm Thìn (1592), Trịnh Tùng đánh bại Mạc Mậu Hợp, lấy lại được Đông Đô. Tháng 4 năm sau (1593), vua Lê trở về Thăng Long. Tháng 5 năm ấy, Nguyễn Hoàng đem binh quyền ra Đông Đô yết kiến. Vua Lê an ủi

rằng: “Ông trấn thủ hai xứ, dân nhờ được yên, công ấy rất lớn” [2]. Liền phong làm Trung quân Đô đốc phủ, Tả đô đốc chưởng phủ sự, Thái úy Đoàn Quốc công. Dịp này Nguyễn Hoàng ở lại Bắc Hà 8 năm để theo giúp Trịnh Tùng tiếp tục đánh Mạc và lập được nhiều chiến công.

Tướng Mạc là Kiến và Nghĩa (hai người đều không rõ họ, tự xưng quận công) đều họp quân đến mấy vạn. Kiến chiếm giữ phủ Kiến Xương, đắp lũy đất ở bên sông, Nghĩa chiếm giữ huyện Thanh Lan (nay là huyện Thanh Quan), cắm cọc gỗ ở sông Hoàng Giang để chống cự với nhà Lê. Tướng nhà Lê là Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên đánh không được. Nguyễn Hoàng đốc suất tướng sĩ bản dinh, thống lĩnh chiến thuyền của thủy quân các xứ nổi tiến, dùng hỏa khí và đại bác đánh phá tan, chém được Kiến và Nghĩa tại trận, giết chết và bắt sống hàng vạn quân Mạc. Trần Sơn Nam (nay là Nam Định) được dẹp yên. Mạc Kính Chương (tự xưng Tráng Vương) cùng đồ đảng chiếm giữ Hải Dương. Nguyễn Hoàng đem quân sang đánh dẹp được, bắt sống rất đông [1].

Tháng 5 năm Giáp Ngọ (1594), Mạc Ngọc Liên chiếm giữ núi Yên Tử, đánh cướp huyện Vĩnh Lại. Nguyễn Hoàng đem thủy quân tiến đến Hải Dương đánh phá được. Ngọc Liên thua chạy, chết ở châu Vạn Ninh.

Tháng 9, Mạc Kính Dụng (tự xưng Uy Vương) sai đồng đảng là Văn và Xuân (hai người đều không rõ tên họ, tự xưng Quốc công) đánh úp Thái Nguyên. Nguyễn Hoàng được lệnh đem đại binh đánh quân Mạc ở

huyện Võ Nhai. Giặc đại bại, tình hình yên ổn trở lại.

Tháng 10, tướng làm phản nhà Lê là Vũ Đức Cung cướp phá các huyện thuộc Sơn Tây, lừa những cư dân hai huyện Đông Lan và Tây Lan (nay là Hùng Quan và Tây Quan) vào đất Đại Đồng. Nguyễn Hoàng lĩnh thủy quân cùng Thái úy nhà Lê là Nguyễn Hữu Liêu dẫn bộ binh cùng tiến thẳng tới Đại Đồng, hai bên giao chiến, cuối cùng phá được giặc. Đức Cung bỏ chạy đến đất Nghĩa Đô, Nguyễn Hoàng dẫn quân trở về.

Tháng 3 năm Mậu Tuất (1598), Nguyễn Hoàng đem thủy quân đánh dẹp ở Hải Dương, phá tan quân thổ phi ở dãy núi Thủy Đường, bắt được đồ đảng giặc đem về.

Tháng 8 năm Kỷ Hợi (1599), vua Lê băng hà. Con thứ là Duy Tân lên ngôi, đổi niên hiệu là Thận Đức, tức Lê Kính Tông, tấn phong Nguyễn Hoàng làm Hữu tướng.

Tài năng và những chiến công lừng lẫy đó một mặt tôn vinh người anh hùng “bất khả chiến bại”, mặt khác càng làm cho Trịnh Tùng lo lắng thêm. Nếu để cho Nguyễn Hoàng trở về Thuận Quảng chẳng khác nào “thả hổ về rừng”, nguy cơ không thể nào tránh khỏi cho cơ nghiệp họ Trịnh. Vì vậy, lúc đầu Trịnh Tùng còn tỏ ra thân mật, thỉnh thoảng còn gặp gỡ thân tình, nhưng càng ngày càng tỏ ra lạnh nhạt với người cậu ruột của mình. Hơn nữa, Trịnh Tùng luôn tìm cách để giữ Nguyễn Hoàng ở lại Bắc Hà, không cho Nguyễn Hoàng có cơ hội trở về.

Năm Canh Tý (1600), nhân vì họ Trịnh chuyên quyền, trong triều có nhiều người

không phục. Các tướng Phan Ngạn, Ngô Đình Nga và Bùi Văn Khuê khởi binh chống lại họ Trịnh, chiếm giữ cửa Đại An (15). Nguyễn Hoàng mượn cớ xin đem binh bản bộ đi dẹp loạn, rồi thừa cơ theo đường biển trở về Thuận Hóa, nhưng còn lưu lại miền Bắc ba người con để làm con tin.

Năm 1611, vì người Chiêm Thành hay đánh phá miền Bình Định, Nguyễn Hoàng phát quân đi đánh, chiếm được miền đất từ đèo Cù Mông đến Đại Lãnh, đặt làm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, hợp thành phủ Phú Yên, rồi lại đặt dinh Trấn Biên để trấn thủ. Đất Quảng Nam của Đại Việt được mở rộng thêm về phía Nam.

Có thể thấy, hơn sáu mươi năm cầm quân, xông pha trận mạc (16), Nguyễn Hoàng đã lập nên biết bao chiến công và chưa một lần thất bại trên chiến trường. Công lao đó đã được vua Lê và cả Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng ghi nhận, mà bằng chứng là chức tước của ông được thăng dần lên đến Hữu tướng Đoan Quốc công.

Trong suốt cuộc đời binh nghiệp, ngay từ những chiến công đầu, tài năng quân sự của Nguyễn Hoàng đã tỏ rõ. Tài năng đó ngày càng được thử thách, rèn luyện, để rồi vị tướng cầm quân Nguyễn Hoàng ngày trở nên dày dặn hơn, mưu lược hơn. Ta thấy, Nguyễn Hoàng vừa thạo thủy binh vừa giỏi bộ binh. Ông cầm quân chiến đấu trên nhiều mặt trận, đánh nhiều loại giặc, có cả giặc ta lẫn giặc Tây.

Không chỉ cầm quân chiến đấu, Nguyễn Hoàng còn là nhà tổ chức quân sự. Ông bài binh bố trận, cất cử quân tướng tạo thành thế thủy bộ liên hoàn hợp thống để đánh bại đối phương. Tùy theo đối thủ mà định liệu phương kế, hoặc trực

tiếp hoặc gián tiếp chi huy; có lúc trực tiếp cầm quân, có khi điều binh khiển tướng. Kể cả mỹ nhân kế cũng được ông dùng để làm nên thắng lợi trong việc đánh bại Lập Quận công.

Nguyễn Hoàng biết khai thác và tận dụng những lợi thế có được cả những yếu tố tự nhiên cũng như tinh thần tướng sĩ. Ông biết tác động tâm lý và khoét sâu mâu thuẫn đối phương để thoát khỏi sự ràng buộc của họ Trịnh một cách tài tình.

Nguyễn Hoàng bề ngoài vẫn giữ nghĩa thần thuộc với nhà Lê và giữ tình hòa hiếu với họ Trịnh, nhưng bên trong thì lo chuẩn bị để chống cự và cát cứ. Ông biết hy sinh, biết chờ đợi để tìm thời cơ thực hiện ý nguyện của mình. Đến cuối đời, tâm nguyện của ông đã được tỏ bày. Con trai kế nghiệp là Phúc Nguyên đón nhận những lời dặn dò của ông như một lời di ngôn chính trị, để từ đó, các đời chúa Nguyễn nối tiếp nhau làm nên đại nghiệp, mở mang bờ cõi, chống chọi với họ Trịnh ở phía Bắc, giữ vững vùng đất phía Nam, xây dựng cơ nghiệp ở Đàng Trong.

Để tạo dựng cơ nghiệp lâu bền, điều mà Nguyễn Hoàng lưu tâm là phủ dụ dân chúng. Ông luôn nghĩ cách thi hành đức chính để vỗ về dân chúng và xem đây là yếu tố hàng đầu trong suốt thời kỳ trấn nhậm cũng như dặn dò con cháu về sau. Ông biết sắp xếp các đơn vị hành chính trong vùng, tăng cường công tác quản lý để làm cho kinh tế phát triển, dân chúng bình yên.

Trong những cuộc kinh dinh, Nguyễn Hoàng đã cho thấy tầm nhìn chiến lược của một nhà quân sự. Sách *Đại Nam thực lục* có

đoạn viết: “*Quảng Nam đất tốt dân đông, sản vật giàu có, số thuế nộp vào nhiều hơn Thuận Hóa mà số quân thì cũng bằng quá nửa. Chúa [chi Nguyễn Hoàng – TT] thường để ý kinh dinh đất này. Đến đây, đi chơi núi Hải Vân, thấy một dải núi cao dằng dài mấy trăm dặm nằm ngang đến bờ biển. Chúa khen rằng: “Chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận Quảng”. Liền vượt qua núi xem xét hình thế, dựng trấn dinh ở xã Cần Húc (thuộc huyện Duy Xuyên), xây kho tàng, chứa lương thực, sai hoàng tử thứ 6 trấn giữ. Lại dựng chùa Long Hưng ở phía đông trấn” [1]. Ông tổ chức bộ phòng nghiêm ngặt những vùng hiểm yếu, thiết lập kho tàng để tích trữ lương thực, cất giữ những người có tài đức trấn thủ những nơi quan trọng, nhất là những vùng đất mới. Đặc biệt là việc xây dựng lực lượng quân sự rất được ông quan tâm. Còn nhớ, lúc mới vào Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng chỉ có 20 chiến thuyền, không có quân bộ. Chẳng bao lâu, quân của ông đã có đủ thủy bộ, được trang bị khá tốt, để đến năm 1593 đem quân lính và súng ống ra Bắc giúp Trịnh Tùng đánh Mạc. Trong lời dặn cuối đời, Nguyễn Hoàng nhắc Phúc Nguyên “*Nếu biết dạy dân luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời*”.*

Để đánh bại quân Mạc, vừa chuẩn bị cho công cuộc cát cứ sau này, Nguyễn Hoàng phải tổ chức một quân đội mạnh. Sử cũ không nói rõ việc tổ chức binh bị dưới thời Nguyễn Hoàng, song qua việc ông điều quân và tổ chức đánh giặc cho thấy đã có phần quy củ. Quân chính quy chia ra các dinh: mỗi dinh gồm có những cơ, đội và thuyền. Mỗi thuyền từ 30 đến 50

người do một viên Cai thuyền trông nom; mỗi đội gồm hai, ba, bốn hay năm thuyền. Mỗi cơ gồm nhiều đội và thuyền, số người không nhất định, có cơ chỉ có 500 người, có cơ lên đến 3.000 người. Đội và cơ do viên Cai đội và viên Cai cơ trông nom. Đến đời Phúc Nguyên, binh số của họ Nguyễn đã có hơn 3 vạn. Năm 1631, Phúc Nguyên mở các xưởng đúc súng và trường bắn, trường tập voi tập ngựa. Đời Phúc Tần (1648 - 1687), binh lực đã mạnh, quân số chính quy có đến 16 vạn người. Năm 1653, chúa Nguyễn tổ chức duyệt binh với quy mô lớn cho thấy việc binh bị đã được kiện toàn [2].

Tài năng quân sự của Nguyễn Hoàng còn thể hiện ở chỗ ông xem xét và cân nhắc việc chọn vị trí đặt dinh phủ, đảm bảo cho sự an toàn và tránh được sự tấn công của đối phương. Từ Ái Tử chuyển sang Trà Bát (1570), rồi dời sang Dinh Cát (phía đông Ái Tử) vào năm 1600. Để rồi sau đó, chúa Sãi Phúc Nguyên chuyển dần vào Phước Yên (1626), rồi năm 1635 chúa Phúc Lan lại dời vào Kim Long, gần với Phú Xuân là nơi đô hội về sau và cũng là kinh đô của nhà Nguyễn sau này. Việc dời dinh phủ dần vào phía Nam là một quá trình nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí chiến lược cũng như sự chuẩn bị cho cuộc chiến tranh khó tránh khỏi với họ Trịnh ở phía Bắc mà Nguyễn Hoàng đã hình dung được từ rất sớm.

Nguyễn Phúc Nguyên không đánh bại được tập đoàn họ Trịnh nhưng cũng đã thực hiện lời dạy của cha, giữ vững đất Thuận Quảng và mở cõi về phương Nam.

Suốt 55 năm trấn thủ đất Thuận Quảng, và hơn 60 năm chinh chiến, Nguyễn Hoàng đã

chúng tỏ là nhà chính trị tài giỏi, khôn ngoan, vừa là một vị tướng đầy mưu lược. Với tấm lòng nhân đức và sự khéo léo, ông đã thu phục được hào kiệt, vỗ an dân chúng. Hơn nửa thế kỷ dưới sự trấn trị của Đao Quốc công Nguyễn Hoàng, vùng đất Thuận Quảng ngày càng khá lên, kinh tế phát triển, dân chúng yên vui. Cho nên dân vùng này cảm mến và gọi ông là Chúa Tiên.

Trước sau theo phò nhà Lê rất mực trung thành. Chỉ vì bất hòa với người anh em họ Trịnh nhỏ nhen và tàn ác mà phải đốc sức đối phó. Lời dặn dò với con trai kế vị như một lời di ngôn chính trị thâm sâu của người sáng nghiệp, đã trở thành sự định hướng lâu dài cho cơ nghiệp của dòng họ mà thực tế lịch sử đã chứng minh. Các đời chúa Nguyễn (con cháu của Nguyễn Hoàng) đã ra công đại định, cầm cự với lực lượng các chúa Trịnh để giữ vững

miền đất phía Nam (từ sông Gianh trở vào), ra sức mở mang và khai phá vùng đất phía Nam vào đến tận Cà Mau thành một vùng môi sinh trù phú.

Nhấn nhẹn chờ thời cơ, không manh động với địch thù, lập chí lớn, gây dựng cơ nghiệp lâu dài cho con cháu mai sau, Nguyễn Hoàng được ví như Nỗ Nhĩ Cáp Xích bên Trung Hoa cùng thời với ông (17). Ông cũng được xem là người tiên phong trong việc mở mang bờ cõi đất nước xuống phía Nam, mở đầu cho việc hùng cứ của 9 chúa Nguyễn và tạo tiền đề cho sự thành lập vương triều Nguyễn trong lịch sử nước ta.

MILITARY TALENT OF LORD NGUYEN HOANG

Tran Thuan

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACTS: *In researching life and career of Nguyen Hoang, it is apparent to realize that he was a prominent politician as well as a military genius.*

In his over 60 years in the military, Nguyen Hoang won numerous battles without a single defeat. His victories were acknowledged by the Le Emperor and the Trinh lords of Kiem and Tac, and conferred to the title of Right hand General (18), Grand Duke Doan (Hữu tướng Đao Quốc công).

Right from the very first battles, his military ability was proven. That Talent was increasingly being challenged, trained, and made him the best general overtime. He mastered both naval and army warfare. His fought on diverse battle sites with enemies ranging from Vietnamese to Westerners. All of the victories earned him the fame of “invincible hero”.

Nguyen Hoang was not merely a field general but also a military thinker. He knew how to maximize the advantages including natural landscapes and his troops' spirit. He also used psychological techniques and exploited divisions among the enemies in order to skillfully escape from the Trinh's control. Nguyen Hoang's Southward territorial expansions proved himself a military man with strategic vision as well.

Nguyen Hoang's vision can be observed clearly in his consideration of his headquarters' locations so that it could be well defended against rivals' attacks. The headquarters' Southward relocations reflect his gradual awareness of local strategic landscapes as well as the possibility of the Trinh's invasion from the North, which he thought of very much ahead in time.

Nguyen Hoang's testament to his heir served as a guideline for the rule of the Nguyen in the South. The Nguyen lords put much effort on the early settlements, sustained with the Trinh in the North, and expanded Dai Viet frontier further Southward as far as Ca Mau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập một*, NXB. Giáo dục, tr. 27, (2002).
- [2]. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, NXB. Văn học, (2001).

- [3]. Nguyễn Khoa Chiêm, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, NXB. Hội nhà văn, (2003).

CHÚ THÍCH

- (1) Khi nhà Lê mất, Ninh còn thơ ấu, bầy tôi là bọn Trịnh Duy Tuấn, Lê Lan đưa sang tránh ở Ai Lao, ở trà trộn với dân gian, không ai biết, bấy giờ Nguyễn Kim mới tìm được
- (2) Bấy giờ có Trịnh Kiểm người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phước (sau đổi là Vĩnh Lộc, thuộc Thanh Hóa) đến yết, Nguyễn Kim thấy người có tướng lạ, gả con gái trưởng là Ngọc Bảo cho, sai coi mã quân, và xin vua phong cho làm tướng quân.
- (3) Thấy quân nhà Lê phần chần, nhà Mạc lấy làm lo, sai hoạn quan thân tín là Dương Chấp Nhất làm Tổng trấn Thanh Hoa, trá hàng để mưu hại Thái tử Nguyễn Kim. Nguyễn Kim không biết, cho Chấp Nhất cầm quân theo đi đánh giặc. Năm Nguyên Hòa thứ 13 (1545) Nguyễn Kim đi

- đánh Sơn Nam, đại quân tiến đến An Mô, ngày Tân Tỵ tháng năm, Chấp Nhất mời Thái tử đến dinh mình. Lúc ấy trời nóng, Chấp Nhất dâng quả dưa trong có bỏ thuốc độc, Thái tử ăn, trúng độc, về dinh thì mất.
- (3) Cậu ruột của Nguyễn Hoàng, làm quan nhà Lê chức Thái phó, tước Uy quốc công. Tự là Vô Sự, là anh ruột bà Nguyễn thị Mai, vợ Nguyễn Kim.
- (4) Bấy giờ Nguyễn Uông đã được tiến phong Tả tướng, tước Lãng quận công.
- (5) Cờ tiết vua giao cho làm huy hiệu của quyền trấn thủ.
- (6) Ái Tử thuộc huyện Vũ Xương (tên huyện đời Lê Mạc. Sau đời Nguyễn đổi gọi là Đãng Xương, nay là huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Theo

- R.P. Cadière trong bài *Le mur de Đồng Hới* đăng trong B.E.F.E.O. năm 1906 thì Nguyễn Hoàng đến Ái Tử vào khoảng từ ngày 10 tháng 11 đến 10 tháng 12 dương lịch năm 1558.
- (7) Thuận Hóa có 2 phủ, 9 huyện, 3 châu: Phủ Tiên Bình (trước là Tân Bình) có 3 huyện (Khương Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh) và châu Bố Chính; phủ Triệu Phong có 6 huyện (Vũ Xương, Hải Lăng, Quảng Điền (trước là Đan Điền), Hương Trà (trước là Kim Trà), Phú Vinh (trước là Tư Vinh), Điện Bàn và hai châu Thuận Bình, Sa Bồn (thượng lưu nguồn Cam Lộ). Quảng Nam có 3 phủ, 9 huyện: Phủ Thăng Hoa có 3 huyện (Lê Giang, Hà Đông, Hi Giang); phủ Tư Nghĩa có 3 huyện (Bình Sơn, Mộ Hoa, Nghĩa Giang); phủ Hoài Nhân có 3 huyện (Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn).
- (8) Để mở rộng bờ cõi, năm 1611 ông đã thực hiện cuộc Nam tiến đầu tiên sau khi trấn giữ Thuận Quảng, tiến chiếm đất từ đèo Cù Mông (bắc Phú Yên) đến đèo Cả (bắc Khánh Hòa) của vương quốc Champa khi đó đã suy yếu, lập thành phủ Phú Yên. Cho đến lúc ông mất, giang sơn họ Nguyễn trải dài từ đèo Ngang (nam Hà Tĩnh) qua đèo Hải Vân tới núi Đá Bia (Thạch Bi Sơn), gần đèo Cả, bây giờ là vùng cực nam Phú Yên, giáp tỉnh Khánh Hòa.
- (9) Nguyễn Hoàng có 10 người con trai. Ngoài Nguyễn Phúc Nguyên (con thứ 6) sau này kế vị, các con trai khác là: Hà và Hán chết ở Bắc, Thành mất lúc 17 tuổi, Diễn chết trận, Hải ở lại đất Bắc làm con tin, Hiệp và Trạch làm phân, Dương mất khi nào không rõ, hoàng tử thứ 10 là Khê, con bà Minh Đức vương Thái phi.
- (10) Trịnh Kiểm mất tháng 2 năm Canh Ngọ (1570). Khi Kiểm mất, trao quyền cho Trịnh Cối. Trịnh Cối hay say đắm tầu sắc, tướng sĩ không mấy người phục. Con thứ hai của Trịnh Kiểm là Trịnh Tùng (con bà Ngọc Báo) đẹp được anh rồi lên kế vị cha, được vua Lê Anh Tông giao binh quyền, gia tước là Thái úy Trường Quốc công.
- (11) Tên châu đời Lê – Mạc, tức phần đất huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị ngày nay.
- (12) Về hai sự kiện: Nguyễn Hoàng đánh bại Quận Mỹ và Lập Bạo, nhiều sách viết không thống nhất. Sách Đại Nam thực lục, Việt sử xứ Đàng Trong ghi rõ niên đại: Đánh Quận Mỹ năm 1571, đánh Lập Bạo năm 1572; sách Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim không đề cập đến sự kiện đánh Quận Mỹ, chỉ ghi sự kiện đánh Lập Bạo vào năm 1572. Sách Nam triều công nghiệp diễn chí của Nguyễn Khoa Chiêm trình bày sự kiện đánh Lập Bạo trước, đánh Quận Mỹ sau. Cả hai không xác định rõ niên đại, tuy nhiên qua trình bày có thể suy ra việc đánh Lập Bạo diễn ra vào năm 1569. Theo chúng tôi, sách Đại Nam thực lục và Việt sử xứ Đàng Trong trình bày rõ và có sức thuyết phục.
- (13) Tên huyện đời Lê, trước gọi là Kiến Lộc, sau đổi là Khang Lộc, đầu đời Nguyễn đổi là Phong Lộc, nay thuộc phần đất của huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- (14) Tương truyền, bảy giờ chửa Tiên vốn không có quân bộ, chỉ có hai mươi chiếc chiến thuyền không có bộ binh, thế khó chống cự. Chứa rất lo lắng. Đàng đêm đốt đuốc ngồi buồn, bỗng nghe bên bờ sông có tiếng dòng nước kêu vang “Tráo tráo...”. Chứa lấy làm lạ. sang ngày ra bờ sông thấy một vùng nước xô sóng cuộn âm thanh vang động khác thường, bèn thảm khấn rằng: “Trên sông nếu có thần linh xin phù hộ cho đánh tan quân giặc, sẽ xin lập miếu bốn mùa cúng thờ”, khấn xong trở về doanh. Đêm ấy chứa chiêm bao thấy một người đàn bà mặc áo xanh tay cầm chiếc quạt the đi đến thưa rằng: “Tướng quân muốn diệt trừ nguy đảng cần lập kế dụ chúng đến bãi cát bên sông, thiếp

sẽ giúp sức trừ được, khỏi phiền nhiễu đến dân trong miền”. Nói xong buông tay áo mà đi. Chúa tình dậy mới biết là nằm mộng, thảm vui trong lòng, ngược lên không mà kính tạ. Chúa nghĩ bụng: Chiêm bao thấy người đàn bà báo ta phải lập kế dụ địch, như vậy ắt là dùng kế mỹ nhân. Lập Bạo vốn đam mê từ sắc. Nguyễn Hoàng đã dùng thị nữ Ngô Thị Lâm mê hoạt, dụ Bạo đến bán doanh dựng ở bờ sông để nghị hòa. Lập Bạo mắc mưu, không đề phòng nên bị phục binh bắn chết. Nguyễn Hoàng cho lập miếu thờ thần Tráo Tráo ở bờ sông; gả Ngô thị cho Vũ Doãn Trung. Theo Đại Nam thực lục, Tập một (2002); Nguyễn Khoa Chiêm Nam triều công nghiệp diễn chí; Phan Khoang Việt sử xứ Đàng Trong,...

(15) Tác giả sách Nam triều công nghiệp diễn chí cho rằng, việc Phan Ngạn, Ngô Đình Nga và Bùi Văn Khuê khởi binh ở cửa Đại An là do Nguyễn Hoàng mưu sừ. Xem thêm Việt sử xứ Đàng Trong, Sđd, tr.121-122.

(16) Từ sau 1545, khi Nguyễn Kim bị đầu độc, đến trước 1613, khi ông qua đời.

(17) Nỗ Nhĩ Cáp Xích là người sáng lập ra nhà Hậu Kim, tiền thân của nhà Thanh trong lịch sử Trung Hoa sống cùng thời với Nguyễn Hoàng.

(18) *Huu* is literally “right hand” which imply that he was considered of the “right hand” military man of the Emperor.